

Số: 28 /STB-21

V/v: Giải trình chênh lệch tăng lợi nhuận sau thuế trên  
10% của BCTC hợp nhất năm 2020.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh.
2. Mã chứng khoán: STC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
4. Điện thoại: (028) 38554645 Fax: (028) 38564307
5. Người thực hiện công bố thông tin: HUỖNH THỊ BÍCH HẠNH.
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh (báo cáo riêng của công ty mẹ) được lập ngày 15 tháng 03 năm 2021, bao gồm: BCDKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

Nội dung giải trình (chênh lệch trên 10% LNST so với cùng kỳ năm trước):

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh là: 17.515.760.067 đồng, tăng 1.629.756.366 đồng so với cùng kỳ năm 2019, tương ứng tỷ lệ tăng là: 10,26%.

Lý do:

Do tổng doanh thu, thu nhập năm 2020 tăng 19,06% so với cùng kỳ năm 2019, dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng 10,26% so với cùng kỳ.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.stb.com.vn](http://www.stb.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận: ✓  
-Như trên,  
-Lưu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Từ Trung Đan



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ  
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Mục tiêu của Báo cáo tài chính hợp nhất là cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và dòng tiền của Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập dựa trên các tài liệu kế toán nội bộ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn.

### MỤC LỤC

### Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 35



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 028.8554 645 - 028.8553 118
- Fax: (84) 028.8564 307
- Website: [www.stb.com.vn](http://www.stb.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xì mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Công ty có 3 đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

### Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục	52,77%

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 258 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 17 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                          |            |  |
|--------------------------|------------|--|
| • Ông Nguyễn Chí Bính    | Chủ tịch   | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020                           |
| • Ông Từ Trung Đan       | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020                           |
| • Ông Đỗ Thành Lâm       | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020                           |
| • Ông Nguyễn Văn Cung    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020                               |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020                               |
| • Bà Lê Thị Phương Hào   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015<br>Miễn nhiệm ngày 19/06/2020 |
| • Ông Phan Xuân Hiến     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2018<br>Miễn nhiệm ngày 19/06/2020 |

### **Ban Kiểm soát**

- |                         |            |  |
|-------------------------|------------|--|
| • Bà Bùi Thị Ánh Tuyết  | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020                               |
| • Bà Lê Phương Mai      | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015<br>Miễn nhiệm ngày 19/06/2020 |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ     | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020                           |
| • Bà Đào Thị Thanh Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020                               |
| • Ông Vũ Văn Hà         | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015<br>Miễn nhiệm ngày 19/06/2020 |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                          |                   |                              |
|--------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Từ Trung Đan       | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020 |
| • Ông Phan Xuân Hiến     | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020 |
| • Bà Đỗ Thị Thanh Bình   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020 |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020 |

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 233/2021/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 15/03/2021 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H

KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

AAC

Trần Thị Hoa Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

Trang 4

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư

số 202/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>149.753.808.911</b>	<b>110.465.439.096</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>61.181.232.260</b>	<b>35.319.126.202</b>
1. Tiền	111		13.367.054.288	11.643.704.337
2. Các khoản tương đương tiền	112		47.814.177.972	23.675.421.865
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.538.646.638</b>	<b>2.409.278.581</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	2.538.646.638	2.409.278.581
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.628.693.798</b>	<b>34.538.026.034</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	41.713.858.919	34.005.285.999
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.444.330.652	367.473.100
3. Các khoản phải thu khác	136	9	190.202.517	399.801.858
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(719.698.290)	(234.534.923)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>41.794.176.588</b>	<b>36.750.134.293</b>
1. Hàng tồn kho	141		42.502.361.130	37.593.927.183
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(708.184.542)	(843.792.890)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.611.059.627</b>	<b>1.448.873.986</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	1.611.059.627	1.409.207.466
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	39.666.520
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>48.303.953.139</b>	<b>48.846.910.944</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>12.000.000</b>	<b>12.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		12.000.000	12.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.001.173.468</b>	<b>37.336.175.660</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	36.523.700.465	37.171.722.879
- Nguyên giá	222		69.684.691.628	66.721.741.992
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.160.991.163)	(29.550.019.113)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	477.473.003	164.452.781
- Nguyên giá	228		696.540.000	249.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(219.066.997)	(84.547.219)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>903.636.364</b>	<b>400.000.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	903.636.364	400.000.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>490.000.000</b>	<b>490.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	490.000.000	490.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.897.143.307</b>	<b>10.608.735.284</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	9.897.143.307	10.603.684.778
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	5.050.506
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>198.057.762.050</b>	<b>159.312.350.040</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>74.397.714.131</b>	<b>41.060.056.258</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>74.397.714.131</b>	<b>41.038.056.258</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	31.974.784.902	11.620.519.785
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.522.227.132	342.298.066
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	2.003.102.476	1.031.924.199
4. Phải trả người lao động	314		23.191.598.431	14.979.747.123
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	5.084.721.672	2.088.741.306
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.304.150.700	1.844.530.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	812.792.453	648.087.944
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.504.336.365	8.482.207.835
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>22.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	22.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>123.660.047.919</b>	<b>118.252.293.782</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>123.660.047.919</b>	<b>118.252.293.782</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	6.538.767.315	6.538.767.315
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	36.028.714.893	30.641.162.779
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	7.779.189.000	7.758.986.977
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		393.797.977	345.313.129
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.385.391.023	7.413.673.848
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	21	2.896.380.487	2.896.380.487
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>198.057.762.050</b>	<b>159.312.350.040</b>



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huyền Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	23	489.542.853.722	412.609.736.951
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.904.703.060	2.776.500.049
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		487.638.150.662	409.833.236.902
4. Giá vốn hàng bán	11	25	376.583.042.584	319.582.279.250
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>111.055.108.078</b>	<b>90.250.957.652</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.162.179.756	838.405.787
7. Chi phí tài chính	22	27	16.698.601	561.634.250
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.491.780	77.559.346
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	28.a	49.145.920.986	32.329.104.347
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	44.522.341.802	41.164.440.978
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>18.532.326.445</b>	<b>17.034.183.864</b>
12. Thu nhập khác	31	29	997.013.462	720.913.812
13. Chi phí khác	32		2.242.784	4.695.661
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>994.770.678</b>	<b>716.218.151</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>19.527.097.123</b>	<b>17.750.402.015</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.006.286.550	1.852.277.102
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		5.050.506	12.121.212
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>17.515.760.067</b>	<b>15.886.003.701</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		17.087.924.318	15.472.731.115
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		427.835.749	413.272.586
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.255	2.044
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	2.255	2.044



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Huyền Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.527.097.123	17.750.402.015
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12,13	3.745.491.828	3.877.425.310
- Các khoản dự phòng	03		349.555.019	(261.454.839)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		200.941	49.032
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(814.729.093)	(554.667.637)
- Chi phí lãi vay	06		19.491.780	77.559.346
3. Lợi nhuận từ HĐ KD trước thay đổi vốn lưu động	08		22.827.107.598	20.889.313.227
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.503.426.318)	6.592.257.239
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.908.433.947)	(419.683.829)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		33.132.213.287	(2.869.495.012)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	14	1.052.946	1.732.736.229
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.491.780)	(77.559.346)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(1.783.873.974)	(1.816.373.035)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		133.900.000	172.580.656
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.484.088.400)	(1.420.558.724)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>36.394.959.412</b>	<b>22.783.217.405</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(3.463.119.636)	(2.535.412.554)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(129.368.057)	(126.903.272)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		796.954.280	546.069.337
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.795.533.413)</b>	<b>(2.116.246.489)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		6.511.494.005	7.931.546.421
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.511.494.005)	(7.931.546.421)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19,20	(7.737.119.000)	(7.757.699.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.737.119.000)</b>	<b>(7.757.699.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>25.862.306.999</b>	<b>12.909.271.916</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	35.319.126.202	22.409.903.318
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(200.941)	(49.032)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>61.181.232.260</b>	<b>35.319.126.202</b>



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huyền Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **1. Đặc điểm hoạt động**

#### **1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại.**

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, đập, gò, hàn, sơn; xì mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

#### **1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong kỳ, Công ty không tái cấu trúc.

#### **Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông**

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

##### **4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **4.1.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

##### **4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

#### ***Đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác***

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### *Dự phòng*

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.5 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### **4.7 Tài sản cố định hữu hình**

#### *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

### 4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;

Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### **4.10 Thuế hoãn lại**

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

### **4.11 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.12 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.13 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty bao gồm các khoản sau:

- Tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước;
- Doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty phải thực hiện trong tương lai.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### **4.14 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### **4.17 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.18 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.21 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### **4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa, hoạt động giáo dục thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

#### ***Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ***

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

#### ***Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông***

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

Ngoài ra, Công ty con còn được giảm 30% thuế TNDN năm 2020 theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.23 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### **5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	161.839.464	297.838.614
Tiền gửi ngân hàng	13.205.214.824	11.345.865.723
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	47.814.177.972	23.675.421.865
<b>Cộng</b>	<b>61.181.232.260</b>	<b>35.319.126.202</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 6. Các khoản đầu tư tài chính

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	2.538.646.638	-	2.409.278.581	-
<b>Cộng</b>	<b>2.538.646.638</b>	<b>-</b>	<b>2.409.278.581</b>	<b>-</b>

Tại thời điểm 31/12/2020, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

#### b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020				01/01/2020	
	Tỷ lệ vốn, quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	4,77%	49.000	490.000.000	-	490.000.000	-
<b>Cộng</b>			<b>490.000.000</b>	<b>-</b>	<b>490.000.000</b>	<b>-</b>

Do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

### 7. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	3.213.515.107	123.183.040
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	2.446.901.190	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.892.609.589	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	800.243.080	615.641.898
Công ty TNHH Một thành viên Nam Gia	5.092.343.214	2.979.578.036
Các đối tượng khác	28.268.246.739	30.286.883.025
<b>Cộng</b>	<b>41.713.858.919</b>	<b>34.005.285.999</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	3.213.515.107	123.183.040
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	2.446.901.190	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.892.609.589	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư	800.243.080	615.641.898
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	666.724.156	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư	569.858.975	61.003.500
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	425.076.231	240.274.115
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư	267.600.257	76.928.825
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	177.445.288	530.253.065
Công ty CP Sách Thiết bị Trường học TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư	151.070.798	50.377.333

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	668.049.152	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Trí Việt	276.540.000	-
Các đối tượng khác	499.741.500	367.473.100
<b>Cộng</b>	<b>1.444.330.652</b>	<b>367.473.100</b>

**Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	668.049.152	-

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	108.768.318	-	90.993.505	-
Tạm ứng	58.511.000	-	281.780.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	12.923.199	-	17.028.353	-
<b>Cộng</b>	<b>190.202.517</b>	<b>-</b>	<b>399.801.858</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 3 năm trở lên	(445.787.754)	(53.659.969)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	(222.069.218)	(180.874.954)
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	(51.841.318)	-
<b>Cộng</b>	<b>(719.698.290)</b>	<b>(234.534.923)</b>

### 11. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.696.297.216	-	9.194.723.304	(38.174.989)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.818.255.689	-	1.277.513.888	-
Thành phẩm	11.026.223.846	(115.128.901)	11.412.513.821	(65.526.078)
Hàng hóa	19.961.584.379	(593.055.641)	15.709.176.170	(740.091.823)
<b>Cộng</b>	<b>42.502.361.130</b>	<b>(708.184.542)</b>	<b>37.593.927.183</b>	<b>(843.792.890)</b>

- Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 31/12/2020 là 774.296.931 đồng.
- Tại thời điểm 31/12/2020, không có hàng tồn kho đã cầm cố, thế chấp các khoản nợ phải trả.

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	45.506.140.576	10.403.766.399	9.427.647.420	1.384.187.597	66.721.741.992
Tăng trong năm	59.090.909	732.000.000	2.052.870.000	118.988.727	2.962.949.636
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>45.565.231.485</b>	<b>11.135.766.399</b>	<b>11.480.517.420</b>	<b>1.503.176.324</b>	<b>69.684.691.628</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	14.967.617.443	8.691.713.493	4.765.946.438	1.124.741.739	29.550.019.113
Tăng trong năm	1.432.638.060	853.163.171	1.175.962.867	149.207.952	3.610.972.050
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.400.255.503</b>	<b>9.544.876.664</b>	<b>5.941.909.305</b>	<b>1.273.949.691</b>	<b>33.160.991.163</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	30.538.523.133	1.712.052.906	4.661.700.982	259.445.858	37.171.722.879
<b>Số cuối năm</b>	<b>29.164.975.982</b>	<b>1.590.889.735</b>	<b>5.538.608.115</b>	<b>229.226.633</b>	<b>36.523.700.465</b>

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ phải trả tại ngày 31/12/2020.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 14.134.063.874 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**13. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kế toán	Phần mềm Website	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	219.000.000	30.000.000	249.000.000
Mua trong năm	447.540.000	-	447.540.000
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>666.540.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>696.540.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	54.547.219	30.000.000	84.547.219
Khấu hao trong năm	134.519.778	-	134.519.778
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>189.066.997</b>	<b>30.000.000</b>	<b>219.066.997</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	164.452.781	-	164.452.781
<b>Số cuối năm</b>	<b>477.473.003</b>	<b>-</b>	<b>477.473.003</b>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 30.000.000 đồng.

**14. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	568.213.579	60.495.206
Chi phí ngoại khóa	114.285.714	398.870.718
Chi phí sửa chữa	230.574.786	141.065.623
Chi phí bảo hiểm	135.474.528	139.115.340
Chi phí trả trước khác	562.511.020	669.660.579
<b>Cộng</b>	<b>1.611.059.627</b>	<b>1.409.207.466</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	470.388.532	658.290.457
Chi phí phân bổ tại 223 Nguyễn Tri Phương	245.621.077	300.997.897
Chi phí phân bổ tại 104/5 Mai Thị Lựu	2.121.599.719	1.996.480.373
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ (An Đông)	65.164.160	436.952.897
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	6.819.329.787	7.008.755.619
Sửa chữa nhà kho tại Bình Dương	65.805.798	137.593.950
Chi phí trả trước dài hạn khác	109.234.234	64.613.585
<b>Cộng</b>	<b>9.897.143.307</b>	<b>10.603.684.778</b>

(\*) Thuê 20.606 m<sup>2</sup> đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
Tư vấn pháp lý quyền sử dụng đất tại 223 Nguyễn Tri Phương	300.000.000	-
Tư vấn pháp lý công trình 104/5 Mai Thị Lựu	400.000.000	400.000.000
Tư vấn xây dựng hệ thống thang băng lương	203.636.364	-
<b>Cộng</b>	<b>903.636.364</b>	<b>400.000.000</b>

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	3.350.120.272	133.154.861
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	1.391.710.334	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	234.406.808	-
Các đối tượng khác	26.998.547.488	11.487.364.924
<b>Cộng</b>	<b>31.974.784.902</b>	<b>11.620.519.785</b>

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	1.391.710.334	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	234.406.808	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	114.740.100	114.740.100
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	111.274.220	83.970.252
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	106.936.909	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	3.350.120.272	133.154.861
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư	78.462.925	40.313.575
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	63.963.200	-

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	537.962.850	-	4.538.085.811	4.203.885.653	872.163.008	-
Thuế nhập khẩu	-	-	9.716.434	9.716.434	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	37.666.520	2.006.286.550	1.783.873.974	184.746.056	-
Thuế thu nhập cá nhân	493.961.349	-	2.615.524.186	2.163.292.123	946.193.412	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	8.190.934.755	8.190.934.755	-	-
Các loại thuế khác	-	2.000.000	11.000.000	9.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.031.924.199</b>	<b>39.666.520</b>	<b>17.371.547.736</b>	<b>16.360.702.939</b>	<b>2.003.102.476</b>	<b>-</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Trích trước chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng	5.014.721.672	2.018.741.306
Trích trước chi phí khác	70.000.000	70.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.084.721.672</b>	<b>2.088.741.306</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	9.119.318	5.930.290
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	241.000.000	224.000.000
Cổ tức phải trả	17.677.557	19.107.557
Các khoản phải trả, phải nộp khác	544.995.578	399.050.097
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	508.223.400	371.562.600
- Phải trả khác	36.772.178	27.487.497
<b>Cộng</b>	<b>812.792.453</b>	<b>648.087.944</b>

**20. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số tại 01/01/2019	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	26.474.012.931	7.710.502.129
Tăng trong năm	-	-	-	4.167.149.848	15.472.731.115
Giảm trong năm	-	-	-	-	15.424.246.267
<b>Số tại 31/12/2019</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>13.761.696.224</b>	<b>6.538.767.315</b>	<b>30.641.162.779</b>	<b>7.758.986.977</b>
Số tại 01/01/2020	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	30.641.162.779	7.758.986.977
Tăng trong năm	-	-	-	5.387.552.114	17.087.924.318
Giảm trong năm	-	-	-	-	17.067.722.295
<b>Số tại 31/12/2020</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>13.761.696.224</b>	<b>6.538.767.315</b>	<b>36.028.714.893</b>	<b>7.779.189.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### b. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	7.758.986.977	7.710.502.129
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	17.087.924.318	15.472.731.115
Phân phối lợi nhuận	17.067.722.295	15.424.246.267
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	7.365.189.000	7.365.189.000
+ Chia cổ tức	7.365.189.000	7.365.189.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	9.702.533.295	8.059.057.267
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	5.387.552.114	4.167.149.848
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.464.798.440	3.123.084.829
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	850.182.741	768.822.590
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>7.779.189.000</b>	<b>7.758.986.977</b>

(\*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 19/06/2020.

### d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 19/06/2020 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 13%, tương ứng 7.365.189.000 đồng. Công ty đã chi trả toàn bộ số cổ tức này trong năm 2020.

### 21. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát đầu kỳ	2.896.380.487	2.896.380.487
Điều chỉnh LICĐTS năm trước	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ	427.835.749	413.272.586
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ	427.835.749	413.272.586
- Giảm do chia cổ tức	370.500.000	370.500.000
- Giảm do trích quỹ KTPL	57.335.749	42.772.586
<b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày cuối kỳ</b>	<b>2.896.380.487</b>	<b>2.896.380.487</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2020	01/01/2020
	USD	USD
Tiền gửi ngân hàng	324,62	499,62

### 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	218.600.707.231	206.338.991.118
Doanh thu thiết bị giáo dục	243.872.792.414	177.676.082.056
Doanh thu hoạt động dạy học	23.612.174.476	25.564.637.068
Doanh thu khác	3.457.179.601	3.030.026.709
<b>Cộng</b>	<b>489.542.853.722</b>	<b>412.609.736.951</b>

### 24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
Hàng bán bị trả lại	1.904.703.060	2.776.500.049
<b>Cộng</b>	<b>1.904.703.060</b>	<b>2.776.500.049</b>

### 25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn sách và sản phẩm in	195.959.993.976	183.529.235.766
Giá vốn thiết bị giáo dục	160.811.020.265	116.804.691.616
Giá vốn hoạt động dạy học	16.524.604.026	17.204.204.110
Giá vốn khác	3.423.032.665	2.373.110.402
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(135.608.348)	(328.962.644)
<b>Cộng</b>	<b>376.583.042.584</b>	<b>319.582.279.250</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	755.929.093	495.867.637
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	58.800.000	58.800.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	347.251.551	283.693.223
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	11.108
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	199.112	33.819
<b>Cộng</b>	<b>1.162.179.756</b>	<b>838.405.787</b>

### 27. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	19.491.780	77.559.346
(Hoàn nhập) Chiết khấu thanh toán phải trả	(3.000.000)	484.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.880	14.764
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	200.941	60.140
<b>Cộng</b>	<b>16.698.601</b>	<b>561.634.250</b>

### 28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền lương, các khoản trích theo lương	22.094.888.863	16.905.552.207
Khấu hao TSCĐ	552.539.600	472.558.393
Chi phí vận chuyển	4.458.409.073	2.959.736.028
Tiền thuê đất	4.950.367.128	3.845.572.272
Chi phí phát triển thị trường, hoa hồng môi giới, phí phát hành	10.238.373.437	6.092.794.173
Các khoản khác	6.851.342.885	2.052.891.274
<b>Cộng</b>	<b>49.145.920.986</b>	<b>32.329.104.347</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền lương, các khoản trích theo lương	29.478.550.367	24.930.519.516
Khấu hao TSCĐ	1.125.186.937	1.037.437.589
Thù lao HĐQT	1.016.000.000	935.000.000
Tiền thuê đất	702.170.868	663.392.253
Các khoản khác	12.200.433.630	13.598.091.620
<b>Cộng</b>	<b>44.522.341.802</b>	<b>41.164.440.978</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 29. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	361.023.911	227.789.438
Cho thuê mặt bằng	420.293.520	435.013.634
Các khoản khác	215.696.031	58.110.740
<b>Cộng</b>	<b>997.013.462</b>	<b>720.913.812</b>

### 30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>19.527.097.123</b>	<b>17.750.402.015</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	26.140.237.444	22.601.850.987
- Hoạt động khác không được ưu đãi	(6.613.140.321)	(4.851.448.972)
<b>Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN</b>	<b>643.439.715</b>	<b>418.970.558</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	727.492.244	538.387.726
+ Chi phí không được trừ	727.291.303	538.327.586
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	200.941	60.140
- Các khoản điều chỉnh giảm	84.052.529	119.417.168
+ Cổ tức được chia	58.800.000	58.800.000
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	11.108
+ Lợi nhuận đã thực hiện	25.252.529	60.606.060
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>20.170.536.838</b>	<b>18.169.372.573</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	26.451.725.067	17.815.974.135
- Hoạt động khác không được ưu đãi	(6.281.188.229)	353.398.438
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.054.126.307</b>	<b>1.852.277.102</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	1.979.981.061	1.781.597.414
- Hoạt động khác không được ưu đãi	74.145.246	70.679.688
<b>Thuế TNDN được giảm giảm 30% theo NQ 116/2020/QH14 (tại Công ty con)</b>	<b>47.839.757</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.006.286.550</b>	<b>1.852.277.102</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.006.286.550	1.852.277.102

### 31. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.087.924.318	15.472.731.115
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(4.314.981.181)	(3.891.907.419)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	4.314.981.181	3.891.907.419
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.772.943.137	11.580.823.696
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.665.530	5.665.530
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.255</b>	<b>2.044</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.579.758.200	47.975.629.419
Chi phí nhân công	72.888.707.413	57.730.206.892
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.745.491.828	3.877.425.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.524.161.051	27.069.580.440
Chi phí khác bằng tiền	18.766.043.618	12.893.442.037
<b>Cộng</b>	<b>162.504.162.110</b>	<b>149.546.284.098</b>

### 33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

<b>Năm 2020</b>	<b>Hoạt động dạy học</b>	<b>Thiết bị giáo dục</b>	<b>In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác</b>	<b>Tổng</b>
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	23.612.174.476	243.872.792.414	222.057.886.832	489.542.853.722
Các khoản giảm trừ	97.840.000	914.274.180	892.588.880	1.904.703.060
Giá vốn hàng bán	16.524.604.026	160.641.421.915	199.417.016.643	376.583.042.584
Chi phí bán hàng	-	38.875.076.454	10.270.844.532	49.145.920.986
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.767.250.526	30.655.792.100	8.099.299.176	44.522.341.802
Chi phí lãi vay thuần	(164.196.262)	(463.864.423)	(108.376.628)	(736.437.313)
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	83.878.448	325.165.394	409.043.842
Thu nhập khác		183.489.056	813.524.406	997.013.462
Chi phí khác			2.242.784	2.242.784
<b>Lãi (lỗ) trong công ty liên kết</b>				-
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.386.676.186</b>	<b>13.517.459.692</b>	<b>4.622.961.245</b>	<b>19.527.097.123</b>
<b>Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2020</b>				
Phải thu của khách hàng	1.114.078.368	36.605.302.656	3.274.779.605	40.994.160.629
Hàng tồn kho	247.611.100	36.689.292.046	4.857.273.442	41.794.176.588
Tài sản cố định				37.001.173.468
- Tài sản cố định của bộ phận	589.400.961	17.697.323.049	-	18.286.724.010
+ Nguyên giá	1.673.390.908	37.137.736.853	-	38.811.127.761
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(1.083.989.947)	(19.440.413.804)	-	(20.524.403.751)
- Tài sản cố định không phân bổ				18.714.449.458
+ Nguyên giá				31.570.103.867
+ Giá trị hao mòn lũy kế				(12.855.654.409)
Tài sản khác không phân bổ				78.268.251.365
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>198.057.762.050</b>
Phải trả người bán	323.896.740	22.023.143.128	9.627.745.034	31.974.784.902
Nợ phải trả không phân bổ				42.422.929.229
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>74.397.714.131</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2019	Hoạt động đạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	25.564.637.068	177.676.082.056	209.369.017.827	412.609.736.951
Các khoản giảm trừ	35.876.000	1.010.335.237	1.730.288.812	2.776.500.049
Giá vốn hàng bán	17.204.204.110	116.625.180.971	185.752.894.169	319.582.279.250
Chi phí bán hàng	-	23.692.701.033	8.636.403.314	32.329.104.347
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.859.479.580	25.140.727.242	9.164.234.156	41.164.440.978
Chi phí lãi vay thuần	(162.262.076)	(208.773.335)	(47.272.880)	(418.308.291)
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	(3.076.720)	(138.460.034)	(141.536.754)
Thu nhập khác		171.652.280	549.261.532	720.913.812
Chi phí khác		-	4.695.661	4.695.661
<b>Lãi (lỗ) trong công ty liên kết</b>				-
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.627.339.454</b>	<b>11.584.486.468</b>	<b>4.538.576.093</b>	<b>17.750.402.015</b>

**Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2019**

Phải thu của khách hàng	946.089.575	29.116.157.772	3.708.503.729	33.770.751.076
Hàng tồn kho	194.446.351	32.650.391.093	3.905.296.849	36.750.134.293
Tài sản cố định hữu hình				37.336.175.660
- Tài sản cố định HH của bộ phận	775.399.202	18.798.681.065	-	19.574.080.267
+ Nguyên giá	1.673.390.908	36.439.361.399	-	38.112.752.307
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(897.991.706)	(17.640.680.334)	-	(18.538.672.040)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	17.762.095.393
+ Nguyên giá	-	-	-	28.857.989.685
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(11.095.894.292)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	51.455.289.011
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>159.312.350.040</b>
Phải trả người bán	320.765.340	8.935.236.831	2.364.517.614	11.620.519.785
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	29.439.536.473
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>41.060.056.258</b>

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### **34. Quản lý rủi ro**

#### **a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### **b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	USD	USD
Tiền gửi ngân hàng	324,62	499,62

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

##### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	31.974.784.902	-	31.974.784.902
Chi phí phải trả	5.084.721.672	-	5.084.721.672
Phải trả khác	803.673.135	-	803.673.135
<b>Cộng</b>	<b>37.863.179.709</b>	<b>-</b>	<b>37.863.179.709</b>
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.620.519.785	-	11.620.519.785
Chi phí phải trả	2.088.741.306	-	2.088.741.306
Phải trả khác	642.157.654	22.000.000	664.157.654
<b>Cộng</b>	<b>14.351.418.745</b>	<b>22.000.000</b>	<b>14.373.418.745</b>

Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	61.181.232.260	-	61.181.232.260
Phải thu khách hàng	40.994.160.629	-	40.994.160.629
Đầu tư tài chính	2.538.646.638	490.000.000	3.028.646.638
Phải thu khác	131.691.517	12.000.000	143.691.517
<b>Cộng</b>	<b>104.845.731.044</b>	<b>502.000.000</b>	<b>105.347.731.044</b>
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	35.319.126.202	-	35.319.126.202
Phải thu khách hàng	33.770.751.076	-	33.770.751.076
Đầu tư tài chính	2.409.278.581	490.000.000	2.899.278.581
Phải thu khác	118.021.858	12.000.000	130.021.858
<b>Cộng</b>	<b>71.617.177.717</b>	<b>502.000.000</b>	<b>72.119.177.717</b>

### 35. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2020, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m<sup>2</sup> đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m<sup>2</sup> đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m<sup>2</sup> đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m<sup>2</sup> đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m<sup>2</sup> đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

### 36. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Trường học TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư

0707  
IG TY  
H.H  
À KẾ T  
C  
TP. ĐÀ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Nội dung	Năm 2020	Năm 2019
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Phí nhãn hiệu	51.504.818	51.504.818
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem, khác	1.600.373.576	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách giáo khoa, Sách tham khảo	92.880.404.174	105.901.131.070
Công ty CP Học Liệu	Băng đĩa GD	211.309.000	36.137.500
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách bài tập, Sách tham khảo, VHP	73.917.071.854	46.941.647.323
Công ty CP Sách Dân Tộc	Sách tham khảo	123.149.350	131.148.110
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Sách tham khảo	15.831.628.636	18.559.695.275
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Sách tham khảo	943.189.450	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Sách tham khảo	184.274.220	-
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Thiết bị	61.640.998	158.212.400
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Sách, thiết bị	31.168.566	111.823.721
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách, thiết bị	11.065.320.350	6.777.707.794
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị	13.889.074	556.836.138
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách, thiết bị, đĩa	14.305.328.437	6.149.204.548
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Thiết bị	848.169.444	148.974.498
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Thiết bị	2.192.292.687	1.633.018.250
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Sách tham khảo	4.406.002.825	2.171.287.804
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Thiết bị	7.703.165.227	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Thiết bị	9.492.533.318	600.798.424
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Thiết bị	2.273.713.651	236.296.435
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Thiết bị	3.953.447.456	-

### c. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

	Nội dung	Năm 2020	Năm 2019
Hội đồng quản trị	Thù lao	748.339.200	812.237.400
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	2.828.030.100	2.339.066.600

### 37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đã chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 13% vào ngày 18/01/2021; Thời gian thực hiện ngày 28/01/2021.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 38. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.

**Tổng Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập biểu**

**Từ Trung Đan**

**Huỳnh Thị Bích Hạnh**

**Võ Thị Ngọc Hoanh**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

